

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 290/2026/HS-ST
Ngày 19-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 370/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Ma Văn Đ, sinh ngày 01/01/1988 tại tỉnh Tuyên Quang, CCCD số: 008088003345; nơi cư trú: **thôn C, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã B, tỉnh Tuyên Quang)**; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Ma Văn T** và bà **Ma Thị P**, có vợ là **Lý Thị T1** và 01 con; tiền án, tiền sự: không.

Nhân Thân:

- Ngày 31/5/2003, bị Tòa án nhân dân huyện huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Hủy hoại tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 28/STHS (BL 106); ngày 22/10/2004 chấp hành xong thời gian thử thách của người được hưởng án treo (BL 158), ngày 18/6/2010 chấp hành xong án phí (BL 121).

- Ngày 30/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HS-ST (BL 56).

- Ngày 26/5/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử phạt 10 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST.

Ngày 04/01/2022, tổng hợp hình phạt 08 tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 và 10 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Buộc **Ma Văn Đ** chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 10 năm 08 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2020, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 13/02/2020 (BL 65).

Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tại Trại Tạm giam **Đ** và được trích xuất về tạm giam tại Trại Tạm giam số 2, **Công an Thành phố H**; có mặt.

- *Bị hại*: bà **Rơ Mah H**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **làng K, xã I, tỉnh Gia Lai**; có đơn xin vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông **Nguyễn Duy T2**, sinh năm 1979, nơi cư trú: **ấp M, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)**; có đơn xin vắng mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Ông **Ngô Văn C**; có mặt.
2. Ông **Nguyễn Văn H1**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma Văn Đ và bà **Rơ Mah H** sống chung với nhau như vợ chồng tại phòng số 04 **nhà T thuộc khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Năm 2019, bà **H** mua trả góp và đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81B2-751.94. Do xe mô tô chưa gắn biển số nên bà **H** giao chìa khóa xe cho **Đ** để **Đ** chở bà **H** đi làm.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 01/01/2020, **Đ** điều khiển xe mô tô biển số 81B2 - 751.94 đi đến **tiệm S thuộc khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh** gặp ông **Ngô Văn C** và ông **Nguyễn Văn H1** để chơi. Tại đây, **Đ** rủ ông **H1** đi đánh bạc nhưng ông **H1** không đi nên **Đ** mượn ông **H1** 5.000.000 đồng để đi đánh bạc, ông **H1** kêu **Đ** để xe mô tô biển số 81B2-751.94 và giấy tờ xe lại thì mới cho **Đ** mượn tiền, **Đ** đồng ý và giao xe cùng bản photo giấy đăng ký xe đứng tên bà **H** cho ông **H1**. **Đ** nói bà **H** là vợ của **Đ** nên ông **H1** tin tưởng cho **Đ** mượn số tiền 5.000.000 đồng. Lúc này, **Đ** hỏi ông **C** tìm chỗ đánh bạc thì ông **C** đồng ý và điều khiển xe mô tô của ông **C** chở **Đ** đi đến địa điểm (không rõ địa chỉ) gần Vòng xoay **A, thành phố T, tỉnh Bình Dương** để đánh bạc dưới hình thức bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền cùng với một số người (không rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi **Đ** đánh bạc thua hết 5.000.000 đồng thì mượn ông **C** 3.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, ông **C** đồng ý và đưa cho **Đ**. **Đ** tiếp tục chơi và thua hết số tiền 3.000.000 đồng thì ngưng đánh bạc rồi đi về, do trời đã khuya nên ông **C** chở **Đ** vào một nhà nghỉ (không rõ tên, địa chỉ) cách địa điểm đánh bạc khoảng 500m để ngủ, còn ông **C** điều khiển xe đi về nhà.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 02/01/2020, ông **C** điều khiển xe mô tô chở **Đ** đi về, trên đường đi Điều hỏi ông **C** tìm chỗ cầm xe mô tô biển số 81B2-751.94

thì ông C đồng ý rồi gọi điện thoại cho ông Nguyễn Duy T2 nói có người muốn cầm xe tại chỗ của ông T2, ông T2 đồng ý. Sau khi gọi điện xong, ông C nói Điều xe mô tô biển số 81B2-751.94 cầm được 20.000.000 đồng, Đ đồng ý cầm xe để trả nợ cho ông C và ông H1. Lúc này, ông C điều khiển xe mô tô của ông C chở Đ đến gặp ông Nguyễn Văn H1. Tại đây, ông C nói ông H1 cho Đ lấy lại xe để đi cầm cố có tiền trả cho ông H1 thì ông H1 đồng ý. Sau đó, ông C điều khiển xe mô tô của ông C, Đ điều khiển xe mô tô biển số 81B2-751.94 đi đến nhà ông T2 thuộc phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến nơi, Đ điều khiển xe vào bên trong nhà ông T2, còn ông C đứng bên ngoài chờ, Đ đưa cho ông T2 01 bản phô tô giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 81B2-751.94 do bà H đứng tên và 01 giấy chứng minh nhân dân của Đ để cầm xe. Đ nói với ông T2, bà H là vợ của Đ và xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng Đ. Ông T2 yêu cầu Đ phải đưa bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô và lấy biển số xe ra mới đồng ý cầm xe với giá 20.000.000 đồng. Sau đó, ông T2 gọi điện thoại cho ông C nói xe này không có biển số và xe là của vợ Đ đứng tên chủ sở hữu, không phải xe của Đ nên ông T2 không đồng ý cầm xe. Điều đi ra nhờ ông C nói ông T2 nhận cầm xe dùm Điều. Do Đ là bạn của ông C và Đ nói xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng Đ nên ông C vào nhờ ông T2 nhận cầm cố xe cho Đ. Do tin tưởng ông C nên ông T2 đưa trước cho ông C số tiền 15.000.000 đồng để Đ đến tiệm mua bán xe lấy biển số xe và giấy tờ xe, còn lại số tiền 5.000.000 đồng khi nào Đ giao đầy đủ giấy tờ và biển số xe thì ông T2 sẽ đưa cho Đ. Sau đó, Đ để xe mô tô biển số 81B2-751.94 lại cho ông T2 và cùng C đi đến cửa hàng Yamaha Tuấn Đ D thuộc khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh để lấy biển số và giấy tờ xe. Tại đây, C đưa cho Đ mượn 3.000.000 đồng để lấy biển số xe và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (bản công chứng). Sau đó, C chở Đ đến nhà ông T2 để giao lại cho ông T2, ông T2 đưa cho ông C số tiền còn lại 5.000.000 đồng. Đ tiếp tục rủ C đi đến địa bàn phường A đánh bạc, tại đây ông C đưa cho Đ 20.000.000 đồng, Đ trả cho ông C 11.500.000 đồng (là tiền Đ mượn C và tiền chuộc xe của H1), còn lại 8.500.000 đồng Điều giữ. Khoảng 17 giờ cùng ngày, Đ đánh bạc thua hết số tiền 8.500.000 đồng nên ông C điều khiển xe chở Đ về phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến khoảng 08 giờ 00 ngày 03/01/2020, Đ đi bộ ra tiệm sửa xe của ông C, trên đường đi Điều gặp bà H đang đi tìm Đ, bà H hỏi xe mô tô thì Đ nói xe bị Công an bắt nhưng bà H không tin và yêu cầu Đ phải trả xe cho bà H nên Đ thừa nhận đã mang xe đi cầm để lấy tiền đánh bạc. Sau đó, bà H đến Công an phường H, thành phố T (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) trình báo việc Đ có hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 81B2-751.94 của bà H.

Công an phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) lập hồ sơ ban đầu và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) thụ lý theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H) tiến hành mời Ma Văn Đ về trụ sở làm việc, Đ khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt xe mô tô biển số 81B2-751.94 của bà H. Cơ quan điều tra tiến hành thu giữ xe mô tô biển số 81B2-751.94 do Nguyễn Duy T2 giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 66/KLTS-TTHS ngày 20/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: xe mô tô biển số 81B2-751.94 (đã qua sử dụng) trị giá 43.075.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bà Rơ Mah H đã nhận lại xe mô tô biển số 81B2-751.94 nên không yêu cầu Điều bồi thường. Ông Nguyễn Duy T2 không yêu cầu Đ trả lại số tiền 20.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 191/CT-VKSHCM-KV ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Ma Văn Đ về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung: giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

Về hình phạt: đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38 và 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Ma Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Đ.

Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

Bị hại trình bày ý kiến tranh luận: bị cáo thống nhất luận tội của Kiểm sát viên và không trình bày tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng trong quá trình điều tra, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 01/01/2020, tại khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành Phố Hồ Chí Minh), sau khi được bà Rơ Mah H cho mượn xe mô tô biển số 81B2-751.94, bị cáo Ma Văn Đ đã nảy sinh ý định chiếm

đoạt xe nên đem xe đến cầm cho ông **Nguyễn Duy T2** được số tiền 20.000.000 đồng để đánh bạc.

Hành vi của bị cáo mượn xe mô tô trị giá 43.075.000 đồng và đem xe cầm cho người khác để lấy tiền sử dụng vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, lười lao động mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã từng bị kết án về tội xâm phạm sở hữu nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, hoàn thiện bản thân, tránh xa các tệ nạn xã hội, mà còn tiếp tục thực hiện một loạt hành vi phạm tội sau đó, điều này cho thấy bị cáo có thái độ xem thường pháp luật, bất chấp mọi hậu quả xảy ra. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Do bị cáo bị tổng hợp hình phạt 10 năm 08 tháng tù theo Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2022/QĐ-CA ngày 04/01/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án.

[7] Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 81B2-751.94 do bị cáo chiếm đoạt, đây là xe do bà **Rơ Mah H** đứng tên đăng ký chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà **H** là đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường, ông **Nguyễn Duy T2** không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với ông **Ngô Văn C**, ông **Nguyễn Văn H1** và ông **Nguyễn Duy T2** có hành vi nhận cầm cố xe mô tô biển số 81B2-751.94 của **Đ**. Xét thấy, các ông không biết xe mô tô nêu trên do **Đ** chiếm đoạt của bà **Rơ Mah H** nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là có căn cứ.

[11] Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo, quá trình điều tra không xác định được nhân thân của các đối tượng đánh bạc nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để chuyển thẩm quyền theo lãnh thổ.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Ma Văn Đ** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38 và 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo **Ma Văn Đ** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 và 10 (mười) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2021/HS-ST ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông. Buộc bị cáo **Ma Văn Đ** phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 13 (mười ba) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2020, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 13/02/2020.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo **Ma Văn Đ** phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ sở 3 thuộc Trại tạm giam Bồ Lá – Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2);
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (4);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền

- Lưu: Văn thư, hồ sơ, 13.